



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 5 tháng 3 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Bà Nguyễn Hoàng Yến

Ông Huỳnh Việt Thắng

Ông Trần Quốc Cường

Ông Nguyễn Hồng Hải

Bà Nguyễn Thị Phương Thùy

Ông Vũ Quốc Tuấn

Bà Lưu Thanh Hồng

Chủ tịch

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Thành viên

(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)

Thành viên

Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng

Bà Lưu Thanh Hồng

Bà Nguyễn Thị Phương Thùy

Chủ tịch

Thành viên

(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)

Thành viên

(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Mai Đức Lâm

Ông Phan Trọng Chinh

Ông Phạm Quốc Cường

Ông Cao Trần Đăng Khoa

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 3 năm 2024)

Tổng Giám đốc

(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Công nghệ và Sản xuất

Giám đốc Chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn

Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 2 năm 2025

04
NH
G 1
KP
PH



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

101-
NH
INH
IG
CHI



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01290-25-1



Trưởng Vinh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		714.889.274.816	625.160.914.563
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	346.842.018.387	263.529.637.698
Tiền	111		25.942.018.387	19.029.637.698
Các khoản tương đương tiền	112		320.900.000.000	244.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.100.000.000	119.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	85.100.000.000	119.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.404.766.484	66.690.256.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	47.836.026.902	62.611.417.844
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.171.323.622	1.601.744.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.397.415.960	2.477.094.043
Hàng tồn kho	140	9	227.903.963.244	175.459.650.739
Hàng tồn kho	141		228.438.527.915	196.572.990.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(534.564.671)	(21.113.339.475)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.638.526.701	481.369.754
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.170.501.575	479.295.288
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.853.083	2.074.466
Thuế phải thu Nhà nước	153		465.172.043	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		271.416.043.825	268.653.284.857
Tài sản cố định	220		203.515.065.821	209.729.591.479
Tài sản cố định hữu hình	221	10	199.779.295.274	209.439.049.788
Nguyên giá	222		407.750.841.108	400.512.388.310
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.971.545.834)	(191.073.338.522)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.735.770.547	290.541.691
Nguyên giá	228		4.531.881.407	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(796.110.860)	(258.458.309)
Bất động sản đầu tư	230	12	4.165.584.044	5.749.808.985
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.340.092.875)	(28.755.867.934)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.869.496.889	8.008.841.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	11.869.496.889	8.008.841.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		51.865.897.071	45.165.042.464
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	42.521.282.196	43.273.076.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	9.344.614.875	1.891.965.545
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		986.305.318.641	893.814.199.420

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

042
NH
3 T
PI
HỒ T

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		457.378.341.545	459.519.739.914
Nợ ngắn hạn	310		456.281.761.682	459.341.029.914
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	208.854.987.326	157.056.143.754
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.875.918.376	7.812.041.961
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	26.727.970.671	12.320.435.052
Phải trả người lao động	314		76.639.214	46.273.051
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	56.833.777.959	62.120.556.294
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.560.457.121	645.022.789
Vay ngắn hạn	320	20	144.378.922.202	213.367.468.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	5.973.088.813	5.973.088.813
Nợ dài hạn	330		1.096.579.863	178.710.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	178.710.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		996.579.863	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		528.926.977.096	434.294.459.506
Vốn chủ sở hữu	410	22	528.926.977.096	434.294.459.506
Vốn cổ phần	411	23	223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	28.929.813.094	28.929.813.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		276.013.424.002	181.380.906.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.389.036.412	2.946.148.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		206.624.387.590	178.434.758.238
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		986.305.318.641	893.814.199.420

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thúy Diệu
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
 Kế toán trưởng




Mai Đức Lâm
 Tổng Giám đốc

01-0
 NH
 TNHH
 3
 CHIV

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.703.790.590.058	1.831.351.012.651
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	51.128.680.961	21.698.164.891
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		426.893.519.528	476.802.695.925
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	18.042.023.716	23.346.620.048
Chi phí tài chính	22	30	11.864.312.078	14.722.491.653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.220.016.003	9.258.002.806
Chi phí bán hàng	25	31	142.764.354.293	243.843.986.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	32.400.004.056	38.492.665.503
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		257.906.872.817	203.090.172.596
Thu nhập khác	31		404.297.641	2.200.067.371
Chi phí khác	32		5.575.192	369.017.385
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		398.722.449	1.831.049.986
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		258.305.595.266	204.921.222.582
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	59.133.857.006	28.378.429.889
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(7.452.649.330)	(1.891.965.545)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		206.624.387.590	178.434.758.238

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		206.624.387.590	178.434.758.238
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	9.225	7.966

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởngMai Đức Lâm
Tổng Giám đốc**CÔNG
TY CỔ
PHẦN
BỘT
GIẶT
NET**

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
BỘT GIẶT NET
DN: C=VN, S=ĐỒNG
NAI, L=Huyện Long
Thành, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN BỘT GIẶT
NET,
OID.0.9.2342.19200300.
100.1.1=MST:
3600642822
Reason: I am the author
of this document
Location: your signing
location here
Date: 2025.03.03
15:11:50+07'00'
Foxit PDF Reader
Version: 11.2.1

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	258.305.595.266	204.921.222.582
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	21.680.985.503	21.268.077.785
Các khoản dự phòng	03	978.918.637	25.315.546.124
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	327.067.562	116.885.920
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.285.561.512)	(18.462.144.384)
Chi phí lãi vay	06	6.220.016.003	9.258.002.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	274.227.021.459	242.417.590.833
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	12.387.365.583	11.953.440.153
Biến động hàng tồn kho	10	(52.426.651.279)	3.787.157.461
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	49.878.825.635	(45.156.604.810)
Biến động chi phí trả trước	12	372.680.086	2.052.253.673
		284.439.241.484	215.053.837.310
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.221.796.350)	(9.307.729.757)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.698.597.332)	(18.035.285.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	233.518.847.802	187.710.822.072
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(18.671.490.932)	(13.156.813.714)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.639.855.333	582.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(278.100.000.000)	(408.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	312.000.000.000	295.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.939.200.153	16.293.889.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.807.564.554	(108.780.923.819)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	646.596.637.329	635.439.093.344
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(715.585.183.327)	(564.760.223.730)
Tiền chi trả cổ tức	36	(111.990.420.000)	(78.393.294.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180.978.965.998)	(7.714.424.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	83.347.446.358	71.215.473.867
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	263.529.637.698	192.322.689.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(35.065.669)	(8.525.388)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	346.842.018.387	263.529.637.698

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởngMai Đức Lâm
Tổng Giám đốc001-2
ẢNH
TINH
G
CHÍNH*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho và nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trụ sở chính tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2024: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 303 nhân viên (1/1/2024: 316 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

20
N
IG
KF
H

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 7 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và bán buôn bột giặt, chất tẩy rửa và sản phẩm chăm sóc gia đình. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Nước ngoài”). Toàn bộ tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận nằm ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.429.472.362.066	1.576.107.623.939	223.189.547.031	233.545.223.821	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.074.460.739.463	1.173.337.681.488	151.307.650.106	159.512.470.347	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835
Lợi nhuận gộp	355.011.622.603	402.769.942.451	71.881.896.925	74.032.753.474	426.893.519.528	476.802.695.925



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	96.608.111	96.608.111
Tiền gửi ngân hàng	25.845.410.276	18.933.029.587
Các khoản tương đương tiền	320.900.000.000	244.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	346.842.018.387	263.529.637.698

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	85.100.000.000	119.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	18.114.013.543	50.191.064.962
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MEATDeli HN	-	14.863.268
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	-	12.344.070

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.240.387.260	2.263.019.315
Đặt cọc ngắn hạn	103.200.000	103.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	53.828.700	110.874.728
	1.397.415.960	2.477.094.043

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.985.519.371	-	2.855.317.174	-
Nguyên vật liệu	165.354.389.355	(259.703.247)	149.792.881.267	(21.113.339.475)
Công cụ và dụng cụ	1.579.739.031	-	560.226.854	-
Thành phẩm	55.640.537.216	(274.861.424)	43.178.000.326	-
Hàng hóa	83.629.293	-	186.564.593	-
Hàng gửi đi bán	2.794.713.649	-	-	-
	228.438.527.915	(534.564.671)	196.572.990.214	(21.113.339.475)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	21.113.339.475	562.154.745
Trích lập dự phòng trong năm	4.408.440.581	25.315.546.124
Sử dụng dự phòng trong năm	(20.561.113.578)	(4.764.361.394)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.426.101.807)	-
Số dư cuối năm	534.564.671	21.113.339.475

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 535 triệu VND (1/1/2024: 21.113 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	228.308.924.086	162.549.171.876	7.566.918.136	2.087.374.212	400.512.388.310
Tăng trong năm	-	168.750.000	229.000.000	-	397.750.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.589.601.903	9.182.863.513	-	-	10.772.465.416
Thanh lý	-	-	(3.931.762.618)	-	(3.931.762.618)
Số dư cuối năm	229.898.525.989	171.900.785.389	3.864.155.518	2.087.374.212	407.750.841.108
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	71.738.479.503	113.180.013.513	4.550.923.189	1.603.922.317	191.073.338.522
Khấu hao trong năm	10.666.523.344	8.208.750.923	520.062.338	163.771.406	19.559.108.011
Thanh lý	-	-	(2.660.900.699)	-	(2.660.900.699)
Số dư cuối năm	82.405.002.847	121.388.764.436	2.410.084.828	1.767.693.723	207.971.545.834
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	156.570.444.583	49.369.158.363	3.015.994.947	483.451.895	209.439.049.788
Số dư cuối năm	147.493.523.142	50.512.020.953	1.454.070.690	319.680.489	199.779.295.274

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 86.395 triệu VND (1/1/2024: 82.940 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	549.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.982.881.407
Số dư cuối năm	4.531.881.407
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	258.458.309
Khấu hao trong năm	537.652.551
Số dư cuối năm	796.110.860
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	290.541.691
Số dư cuối năm	3.735.770.547

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	26.338.976.919	2.416.891.015	28.755.867.934
Khấu hao trong năm	1.520.393.292	63.831.649	1.584.224.941
Số dư cuối năm	27.859.370.211	2.480.722.664	30.340.092.875
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.388.096.292	361.712.693	5.749.808.985
Số dư cuối năm	3.867.703.000	297.881.044	4.165.584.044

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản cố nguyên giá 3.960 triệu VND (1/1/2024: 2.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được nắm giữ để cho thuê không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND
Số dư đầu năm	8.008.841.929
Tăng trong năm	18.928.093.433
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.772.465.416)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.982.881.407)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(312.091.650)
Số dư cuối năm	11.869.496.889

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	676.128.000	-
Máy móc và thiết bị	10.800.408.889	6.956.919.646
Các tài sản khác	392.960.000	1.051.922.283
	11.869.496.889	8.008.841.929

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	40.993.076.274	2.280.000.645	43.273.076.919
Tăng trong năm	-	1.721.902.000	1.721.902.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	312.091.650	312.091.650
Phân bổ trong năm	(1.128.249.805)	(1.657.538.568)	(2.785.788.373)
Số dư cuối năm	39.864.826.469	2.656.455.727	42.521.282.196

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ bán hàng và chiết khấu thương mại phải trả	6.903.622.814	1.018.904.737
Chi phí phải trả khác	2.440.992.061	873.060.808
	9.344.614.875	1.891.965.545

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.444.950.440	4.157.088.480
Công ty TNHH Masan Brewery MB	38.500.000	-
Công ty Cổ phần Mobicast	12.917.405	-

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp Nhà Nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cán trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.427.243.693	145.022.871.210	(145.007.300.755)	-	3.442.814.148
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	23.767.105.314	(23.767.105.314)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.842.366.453	59.133.857.006	(44.698.597.332)	-	23.277.626.127
Thuế nhập khẩu	-	751.843.222	(751.843.222)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.824.906	2.610.334.445	(3,118,800,998)	465.172.043	7.530.396
Các loại thuế khác	-	37.953.272	(37.953.272)	-	-
	12.320.435.052	231.323.964.469	(217.381.600.893)	465.172.043	26.727.970.671

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	31.314.254.166	42.470.253.851
Chi phí thưởng và lương tháng 13	8.825.841.579	9.996.821.594
Chi phí kho vận	6.102.569.879	3.309.556.195
Chiết khấu thương mại	2.923.859.904	1.282.624.000
Chi phí trưng bày	280.000.000	252.404.000
Chi phí lãi vay	85.636.725	87.417.072
Chi phí ngắn hạn khác	7.301.615.706	4.721.479.582
	56.833.777.959	62.120.556.294

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	4.907.106.249	210.000.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	58.245.682	55.952.206
Cổ tức phải trả	11.126.430	9.676.430
Phải trả khác	583.978.760	369.394.153
	5.560.457.121	645.022.789



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Vay ngắn hạn**

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	
Vay ngắn hạn	213.367.468.200	646.596.637.329	(715.585.183.327)	-	144.378.922.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,8% - 4,5%	144.378.922.202	182.722.757.031
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	-	-	30.644.711.169
			144.378.922.202	213.367.468.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có khoản vay quá hạn bao gồm cả nợ gốc vay và lãi vay.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Không có biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	223.983.740.000	15.706.553.642	94.563.716.626	334.254.010.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	178.434.758.238	178.434.758.238
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(78.394.309.000)	(78.394.309.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	13.223.259.452	(13.223.259.452)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	181.380.906.412	434.294.459.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	206.624.387.590	206.624.387.590
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(111.991.870.000)	(111.991.870.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	276.013.424.002	528.926.977.096

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 111.992 triệu VND (2023: 78.394 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	4.913.334.399	3.417.616.538
Từ hai đến năm năm	8.627.849.904	9.842.466.152
Sau năm năm	44.777.969.390	56.009.841.371
	58.319.153.693	69.269.924.061

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.446.645.258	2.345.153.150
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	16.139.388.141	7.007.508.332
	29.586.033.399	9.352.661.482

(c) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	431.119	10.845.266.716	677.461	16.326.799.737
EUR	181	4.729.566	191	5.055.815
		10.849.996.282		16.331.855.552

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.695.706.907.578	1.822.590.338.299
▪ Doanh thu cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	4.842.237.092	5.266.236.290
▪ Doanh thu khác	3.241.445.388	3.494.438.062
	1.703.790.590.058	1.831.351.012.651
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	30.358.518.467	8.569.752.920
▪ Hàng bán bị trả lại	20.770.162.494	13.128.411.971
	51.128.680.961	21.698.164.891
Doanh thu thuần	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	1.222.339.262.637	1.304.615.346.518
▪ Dịch vụ cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	2.587.837.915	2.739.255.865
▪ Giá vốn khác	858.950.243	180.003.328
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.661.226)	25.315.546.124
	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	12.916.568.098	18.006.799.621
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.125.455.618	5.339.820.427
	18.042.023.716	23.346.620.048

30. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	6.220.016.003	9.258.002.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.644.296.075	5.464.488.847
	11.864.312.078	14.722.491.653

31. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	67.793.667.035	171.547.119.722
Chi phí kho vận	36.576.176.975	32.097.280.647
Chi phí nhân viên	23.492.679.101	27.300.994.493
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.917.537.312	3.511.059.948
Chi phí bán hàng khác	10.984.293.870	9.387.531.411
	142.764.354.293	243.843.986.221

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	13.207.562.530	18.186.969.523
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.611.989.223	3.560.355.573
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.297.603.744	831.168.139
Chi phí quản lý khác	14.282.848.559	15.914.172.268
	32.400.004.056	38.492.665.503

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.147.702.772.656	1.257.770.711.559
Chi phí nhân công và nhân viên	75.512.548.548	82.478.089.369
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.680.985.503	21.268.077.785
Chi phí khác	156.036.441.211	253.669.924.846

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	59.133.857.006	28.378.429.889
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.452.649.330)	(1.891.965.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51.681.207.676	26.486.464.344

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	206.624.387.590	178.434.758.238

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.225	7.966

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024	2023
	VND	VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	359.969.302.879	441.400.060.021
Mua hàng hóa	8.225.885.067	35.149.077.903
Phí hỗ trợ quản lý	-	3.996.446.998
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	58.518.150.000	40.962.705.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	23.685.695.000	54.747.686.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	13.045.540.000	14.987.301.306
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức công bố	40.322.490.000	28.225.743.000
Công ty Cổ Phần Mobicast		
Mua dịch vụ	119.247.475	139.408.448
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	12.440.478	24.200.110
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Bán hàng hóa	21.449.100	11.450.900
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Bán hàng hóa	10.510.059	21.909.930
Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt		
Bán hàng hóa	10.724.550	17.634.386
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Bán tài sản cố định	277.919.307	-
Bán hàng hóa	-	7.849.274
Mua hàng hóa	14.400.000	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Bán hàng hóa	-	9.160.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	286.417.145	15.690.150
Công ty TNHH Masan Brewery MB		
Mua dịch vụ	315.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	46.080.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	4.532.947.715	4.140.446.998

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng	Thành viên	-	-
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	-	-
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	34.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	-	-
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)	14.000.000	48.000.000
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	48.000.000	48.000.000
		-	-
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	-	-
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	-	-
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)	-	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Ban Giám đốc

Ông Mai Đức Lâm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 3 năm 2024)

2.260.791.910

-

Ông Phan Trọng Chính

Tổng Giám đốc

(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)

733.537.342

3.099.714.990

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

